TOÀ ÁN ND HUYỆN NGA SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-10-2019
V/v: Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mai Nam Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Thái, bà Vũ Thị Hà.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 về việc: "Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị D, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Mai Văn H, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Vũ Thị D trình bày:

Chị và anh Mai Văn H đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 124/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn. Trong quyết định về phần tài sản hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng, gồm: 01 thửa đất số 736, tờ bản đồ số 17, diện tích 449 m^2 tại thôn T, xã V có giá trị khoảng 200.000.000 đồng; 01 ngôi nhà hai tầng, xây dựng năm 2009, diện tích xây dựng 84 m^2, diện tích sàn 126 m^2, có giá trị khoảng 400.000.000 đồng. Chị đề nghị được nhận phần diện tích đất có nhà, còn diện tích đất có ao thì giao cho anh H.

Tại bản tự khai ngày 03/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Mai Văn H trình bày:

Tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân như chị D trình bày là đúng. Anh cũng đồng ý phân chia tài sản chung, quan điểm của anh tài sản sẽ chia đôi, anh nhận phần đất có ao, còn chị D nhận phần đất có nhà, chị D trả tiền chênh lệch trị giá nhà cho anh.

Quá trình hòa giải, hai bên tuy thỏa thuận được cách thức chia tài sản nhưng không thỏa thuận được giá trị tài sản, nên Tòa án đã tiến hành thành lập Hội đồng định giá tài sản theo quy định. Sau khi định giá tài sản đến trước ngày mở phiên tòa, hai bên đương sự đều có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết giao toàn bộ tài sản cho mình và sẽ trả tiền chênh lệch về chia tài sản cho bên kia.

Tại phiên tòa, hai bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án, mà vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị D, phân chia tài sản chung như sau: giao phần đất có nhà và toàn bộ tài sản trên đất cho chị D quản lý, sử dụng, giao phần đất có ao cho anh H quản lý, sử dụng, tạm giao phần đất thừa cho anh H sử dụng, chị D có trách nhiệm trả tiền chênh lệch về chia tài sản cho anh H; về án phí các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Vũ Thị D có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc chia tài sản sau khi ly hôn giữa chị và anh Mai Văn H. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về nội dung: Chị Vũ Thị D và anh Mai Văn H đã ly hôn ngày 28/11/2017. Khi ly hôn hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản thì tài sản chung của chị D và anh H gồm: 01 nhà hai tầng, tổng diện tích xây dựng 126m^2, trị giá 117.147.000 đồng; 01 nhà cấp bốn lợp ngói diện tích 20,71m^2, trị giá 22.710.000 đồng; bán bình trước nhà diện tích 27,3m^2, trị giá 2.839.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 142.696.000 đồng (còn một số tài sản trên đất khác như cổng sắt đã khấu hao hết giá trị; bờ tường kè ao, đường bê tông giáp hè nhà, bể nước các đương sự không yêu cầu xem xét giá trị) và 01 thửa đất có diện tích 622,5m^2, trị giá 200.000

đồng/m^2 x 622,5m^2 = 124.500.000 đồng. Tuy nhiên căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 070576 cấp ngày 03/11/2017 thì diện tích đất được cấp là 449 m^2 (thửa đất số 736, tờ bản đồ số 17, tại thôn T, xã V), nên số diện tích đất thừa sau khi thẩm định so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 173,5m^2. Xét thấy hiện nay chị D là phụ nữ, đang nuôi hai con chưa thành niên, nên HĐXX thấy cần giao phần đất có nhà và toàn bộ tài sản trên đất cho chị D quản lý, sử dụng, giao diện tích đất ao cho anh H quản lý, sử dụng, phần diện tích đất thừa tạm giao cho anh H sử dụng là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như điều kiện hoàn cảnh hiện nay của các đương sự.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm b khoản 1 Điều 24, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị D, chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn như sau:

Giao cho chị Vũ Thị D được quản lý, sử dụng phần đất có nhà với diện tích là 238m^2, cụ thể: phía Bắc giáp hộ bà Trịnh Thị T dài 24,5m; phía Nam tại chân bờ tường kè ao giáp đất chia cho anh H dài 24,5m; phía Đông giáp đường liên thôn dài 9,7m; phía Tây giáp Đền làng dài 9,7m, trị giá 47.600.000 đồng và sở hữu 01 nhà hai tầng diện tích xây dựng 126m^2, trị giá 117.147.000 đồng; 01 nhà cấp bốn lợp ngói diện tích 20,71m^2, trị giá 22.710.000 đồng; bán bình trước nhà diện tích 27,3m^2, trị giá 2.839.000 đồng và một số tài sản khác (gồm: cổng sắt, tường kè ao, đường bê tông giáp hè nhà, bể nước), trị giá các tài sản trên đất là 142.696.000 đồng. Tổng giá trị tài sản nhà và đất chị D được quyền quản lý, sử dụng là 190.296.000đ (một trăm chín mươi triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Giao cho anh Mai Văn H được quản lý, sử dụng phần đất ao, diện tích 211m^2, cụ thể: phía Bắc tại chân bờ tường kè ao giáp đất chia cho chị D dài 24,5m; phía Nam giáp đất thừa dài 25,3m; phía Đông giáp đường liên thôn dài 8,45m; phía Tây giáp Đền làng dài 8,45m, trị giá 42.200.000đ (bốn mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Tạm giao cho anh H được sử dụng diện tích đất thừa là 173,5m^2 . Cụ thể: phía Bắc giáp đất chia cho anh H dài 25,3m; phía Nam giáp ao hộ ông Nguyễn Văn Đ dài 25,3m; phía Đông giáp đường liên thôn dài 6,35m; phía Tây giáp Đền làng dài 7,35m.

Chị Vũ Thị D có trách nhiệm trả chênh lệch về chia tài sản cho anh Mai Văn H số tiền là 74.048.000đ (bảy mươi tư triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với Ủy ban nhân dân các cấp để đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Cơ quan thi hành án đã ra quyết định thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị D phải chịu án phí DSST về chia tài sản là 5.812.000đ (năm triệu tám trăm mười hai nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2017/0005089 ngày 29/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, chị D được hoàn trả lại số tiền là 1.688.000đ (một triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Anh Mai Văn H phải chịu án phí DSST về chia tài sản là 5.812.000đ (năm triệu tám trăm mười hai nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Nam Tiến